

# PHÁT TRIỂN ĐỒNG BỘ CÁC LOẠI THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

## GIAI ĐOẠN TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

GS.TS. NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG

Ủy ban Văn hoá, giáo dục, thanh thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội

### I. Phát triển kinh tế thị trường- bước ngoặt chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam.

Năm 1986, Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam được đánh dấu như một mốc lịch sử, khởi xướng công cuộc đổi mới ở nước ta từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Với cơ chế cũ, nền kinh tế Việt Nam thiếu động lực và khi viện trợ từ Liên Xô và các nước XHCN (cũ) không còn, nền kinh tế nước ta đã rơi vào khủng hoảng.

Quá trình đổi mới ở nước ta từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường định hướng XHCN là một tất yếu khách quan. Đó là sự đòi hỏi thúc đẩy của cuộc sống: đòi sống nhân dân khó khăn, sản xuất đình trệ. Đòi hỏi của đất nước phải ra khỏi khủng hoảng: lạm phát, việc làm, thâm hụt cán cân thanh toán, ngân sách kéo dài các chỉ tiêu kinh tế cơ bản quốc gia đều thấp dưới chỉ số an toàn về quản lý kinh tế vĩ mô. Đồng thời sự đổi mới ở nước ta cũng phù hợp với diễn biến tình hình thế giới. Trong khi phe XHCN (cũ) bị tan rã bên cạnh sự tăng trưởng của các nước công nghiệp mới đặc biệt là các nước Đông Á có nền kinh tế thị trường đã đặt ra cho chúng ta phải tự tìm kiếm một mô hình kinh tế mới. Mô hình kinh tế gắn với xã hội thị trường gắn sự quản lý của Nhà nước phù hợp với đặc điểm Việt Nam. Theo thời gian và diễn biến thực tế quá trình đổi mới, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn ngày càng sáng rõ.

Đổi mới sang kinh tế thị trường ở nước ta là sự phù hợp giữa yêu cầu chủ quan và khách quan, quy luật vận động của sản xuất và cuộc sống, phù hợp với diễn biến tình hình trong và ngoài nước.

Quá trình đổi mới diễn ra rất phong phú và đa dạng ở khắp nơi trong nước.

Đột phá khẩu là nông nghiệp, nông thôn từ khoán 100. Xoá bỏ cách quản lý tập trung mệnh lệnh trong công nghiệp như mở ra kế hoạch B, C theo Nghị định 217 xé rào, bỏ ngăn sông cấm chợ, tự do hoá giá cả, bỏ tem phiếu như ở Long An...

Đảng khởi xướng đổi mới tư duy, quan điểm.

Quốc hội luật hoá quan điểm của Đảng bằng hệ thống luật pháp. Chính phủ quản lý nền kinh tế bằng hệ thống chính sách kinh tế vĩ mô trên cơ sở luật pháp. Sức sản xuất, trực tiếp là người lao động được giải phóng. Việc tìm tòi sáng kiến tổ chức sản xuất kinh doanh, dịch vụ được mở ra theo cơ chế thị trường của một nền kinh tế đa thành phần, mở cửa với bên ngoài.

Từ Đại hội VI, Đại hội VII, Đại hội VIII, đến đại hội IX của Đảng nhiều tư duy, nhận thức đổi mới đã được đúc rút trở thành các quan điểm mới. Nhiều vấn đề lý luận trong đường lối, chính sách đã dần sáng tỏ.

- Vấn đề sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất đặc biệt là đất đai, nhà máy, công xưởng và các cơ sở hạ tầng công cộng... chuyển sang thị trường đang được luật hoá ngày càng hoàn chỉnh. Các phạm trù sở hữu, sử dụng, quản lý đối với các yếu tố sản xuất cụ thể đang được sáng tỏ dần. Các yếu tố của sản xuất tham gia vào thị trường ngày càng có giá và sử dụng hiệu quả.

- Vai trò chủ đạo của quốc doanh đã được thay đổi rộng mở hơn. Đó là vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước mà trong đó doanh nghiệp Nhà nước chỉ là một bộ phận. Kinh tế Nhà nước bao gồm cả kinh tế và dịch vụ công cộng phải đủ mạnh để đảm bảo cạnh tranh với nền kinh tế mở.

- Hợp tác xã đổi mới theo nguyên tắc: tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và cùng có lợi.

- Kinh tế tư nhân được phát triển, bình đẳng với các thành phần kinh tế khác.

- Quyền tự chủ của các doanh nghiệp trong sản xuất và phân phối được mở rộng.

- Vấn đề phân phối, thu nhập được đa dạng hoá ngoài việc phân phối theo lao động còn được hưởng lợi theo cổ phần, góp vốn được thừa nhận và tôn trọng.

- Xoá bỏ dần sự độc quyền của Nhà nước về ngoại thương. Nhà nước khuyến khích các thành phần kinh tế xuất khẩu ra nước ngoài.

- Nền kinh tế mở song phương, đa phương cùng có lợi.

Thực tiễn đã làm sáng tỏ nhiều nhận thức mới. Những quan điểm mới về chủ nghĩa xã hội cũng được sáng tỏ dần. Chủ nghĩa xã hội gắn với thực tiễn cuộc sống không duy ý chí như trước. Phát triển kinh tế gắn liền với phát triển xã hội.

Theo các quan điểm đổi mới, đến Đại hội IX Đảng ta đã khẳng định xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta và phải phát triển đồng bộ các loại thị trường.

Nghị quyết Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định:

*"Thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn sơ khai như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ"*

Dựa trên những quan điểm đổi mới của Đảng, Nhà nước ta cũng đang tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, luật pháp đồng bộ tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển bền vững theo mục tiêu đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, đảm bảo dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

## II. Thực trạng phát triển các loại thị trường và tính đồng bộ hệ thống thị trường từ khi đổi mới ở nước ta

Thị trường là sản phẩm của kinh tế hàng hoá và sự phát triển của phân công lao động xã hội. Nơi nào có phân công lao động xã hội và sản xuất hàng hoá, thì ở đó có thị trường. Trình độ chuyên môn hoá của lao động xã hội càng cao thì thị trường càng phát triển đồng bộ. Sự phân công lao động xã hội càng khoa học sẽ góp phần làm tăng sự phát triển của lực lượng sản xuất. Thị trường có tác động tích cực đến sự phát triển của lực lượng sản xuất, thị trường phát triển từ thấp đến cao, không có thị trường thì sản xuất và trao đổi hàng hoá không thể tiến hành một cách bình thường và trôi chảy được.

Tính đồng bộ trong hệ thống thị trường là làm sao mọi hoạt động của thị trường được hoạt động trôi chảy, thông thoáng, minh bạch, lành mạnh và thống nhất trong một môi trường pháp lý và sự quản lý nhất quán trong hệ thống chính sách của Nhà nước. Trong phạm vi quốc gia, cần hình thành một thị trường thống nhất, không chia cắt, khép kín giữa các vùng, các địa phương theo kiểu ngăn sông, cấm chợ như trước đây.

Tính thống nhất và đồng bộ của thị trường còn thể hiện ở hệ thống luật pháp, chính sách thông thoáng của thị trường trong nước với bên ngoài, sự gắn kết thị trường trong nước với thị trường quốc tế, tham gia vào quá trình phân công và cạnh tranh quốc tế. Thông tin giá cả trên thị trường quốc tế là căn cứ để phân bổ nguồn lực,

quyết định chiến lược đầu tư trong nước nhằm đạt mục tiêu sử dụng ngày càng hiệu quả hơn nguồn tài nguyên trong nước, tận dụng được nguồn lực quốc tế. Cái gì thị trường quốc tế thiếu cần nhanh chóng sản xuất và tiêu thụ, cái gì thị trường quốc tế có sẵn, giá rẻ thì cần tận dụng và tạo lập một môi trường cạnh tranh trong nước và quốc tế. Cần phải tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Trên cơ sở cạnh tranh mới có thể phát huy tác dụng của quy luật giá trị để thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao tinh thần chủ động, tích cực của các chủ thể thị trường trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Muốn có một hệ thống thị trường cạnh tranh lành mạnh cần phải hạn chế và ngăn chặn tình trạng độc quyền trong sản xuất và kinh doanh. Thực hiện cạnh tranh bình đẳng, tạo môi trường thuận lợi cho tất cả các loại hình doanh nghiệp của các thành phần kinh tế tham gia vào thị trường cạnh tranh là động lực cho thị trường phát triển.

Thực trạng việc tạo lập và xây dựng hệ thống thị trường đồng bộ ở nước ta đang bị những lực cản của cơ chế bao cấp để lại trong khi những điều kiện cho thị trường phát triển chưa đủ mạnh. Thị trường đòi hỏi cạnh tranh và chịu rủi ro khi hành động trái với quy luật thị trường, trong khi đó nhiều doanh nghiệp lại muốn an toàn, bảo hộ và bao cấp, khi thua lỗ muốn để ngân sách gánh chịu, thiếu vốn thì dựa vào Nhà nước, tư tưởng trông chờ, ý lại còn nặng nề.

Từ cơ chế kế hoạch hoá, tập trung bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, nền kinh tế nước ta đang từng bước hình thành các loại thị trường mới. Cùng với các thị trường thông thường như thị trường hàng hoá dịch vụ, các thị trường tài chính, thị trường lao động, thị trường đất đai- bất động sản, thị trường khoa học công nghệ đang được hình thành.

Nhìn chung các loại thị trường này của ta còn mới sơ khai chưa hình thành đồng bộ xét về trình độ, phạm vi và sự phối hợp các yếu tố thị trường trong tổng thể toàn bộ hệ thống.

Có loại thị trường như thị trường hàng hoá dịch vụ thông thường đáp ứng yêu cầu thường xuyên của người tiêu dùng như ăn uống, khách sạn, du lịch, hàng hoá tiêu dùng... đã phát triển nhanh. Trong khi đó, một số loại thị trường còn rất sơ khai, thông tin không đầy đủ. Có những thị trường bị biến dạng, không theo quy luật của thị trường, sự kiểm soát của Nhà nước kém hiệu quả như thị trường đất đai- bất động sản đang hoạt động "ngầm". Một số thị trường bị chi phối bởi cơ chế thị trường và tính bao cấp của cơ chế cũ như thị trường lao động.

*Nguyên nhân hệ thống thị trường ở nước ta phát triển còn thấp, chưa đồng bộ là:*

- Bản thân nền kinh tế phát triển thấp từ một nước nông nghiệp, lực lượng sản xuất yếu, cơ sở hạ tầng bất cập, cơ cấu kinh tế chưa hình thành

một nền kinh tế hàng hoá hiện đại của một nền kinh tế công nghiệp.

- Nền kinh tế nước ta đang trong giai đoạn chuyển đổi từ kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhiều vấn đề còn bất cập, song trùng

- Hệ thống pháp luật, chính sách kinh tế thị trường mới hình thành chưa theo kịp cuộc sống thực tế và pháp luật quốc tế.

Dưới đây chúng ta để cập đến một số loại thị trường cơ bản và hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc trước đây thị trường phát triển đồng bộ ở nước ta.

### Thị trường lao động:

Thị trường lao động là một bộ phận hữu cơ của hệ thống các loại thị trường trong nền kinh tế. Thị trường lao động tồn tại, phát triển liên quan và tác động qua lại với các thị trường khác. Các yếu tố đầu vào của sản xuất: lao động, đất đai, vốn... tạo ra các sản phẩm đầu ra là hàng hoá và dịch vụ. Thị trường yếu tố đầu vào và đầu ra tương tác lẫn nhau tạo ra một hệ thống thị trường.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, thị trường lao động đang là một áp lực lớn vì sự mất cân đối nghiêm trọng do tác động đồng thời của nhiều nhân tố (tốc độ tăng dân số, hậu quả của cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp trước đây, sự hạn chế về vốn, công nghệ, quy mô trong giai đoạn đầu của nền kinh tế thị trường...); sức ép về việc làm rất lớn trong hiện tại và tương lai. Do vậy, vấn đề giải quyết việc làm và đảm bảo việc làm là một mục tiêu kinh tế quan trọng đang được đặt ra. Nhà nước phần đầu để trong quá trình thực hiện chức năng quản lý kinh tế của mình đảm bảo số đông người lao động có việc làm và thu nhập, giảm thiểu số người thất nghiệp ở mức cho phép nền kinh tế phát triển ổn định. Tỉ lệ thất nghiệp cao sẽ làm cho nền kinh tế bất ổn. Đồng thời với việc làm phải đảm bảo thu nhập cho người lao động- thu nhập thấp sẽ làm cho nền kinh tế trì trệ, thu nhập không công bằng sẽ làm cho xã hội phân hoá. Do đó việc làm, thu nhập, phân phối là những phạm trù kinh tế quan trọng trong quá trình CNH, HĐH.

Sự phân tầng về việc làm, thu nhập, phân phối đang diễn ra khá phức tạp khi ta chuyển sang kinh tế thị trường. Cũng là việc làm nhưng việc làm ở các trình độ khác nhau, địa điểm khác nhau thì thu nhập cũng đã khác nhau, cũng là lao động phổ thông ở nông thôn là gặt hái, ra thành thị là bốc vác đất, đá... nhưng giá trị sức lao động khác nhau. Do đó xu hướng thu hút lao động vào các khu vực đô thị, khu công nghiệp kể cả lao động thủ công và lao động kỹ thuật quy luật tất yếu trong quá trình CNH, HĐH và đô thị hoá.

Đồng thời với việc thu hút lao động từ nông thôn ra thành thị vào các khu công nghiệp lại nảy sinh nhiều vấn đề xã hội kéo theo như nhà ở, dịch

vụ, nhiều mặt trái của thị trường cũng nảy sinh như ma tuý, mại dâm, những thị trường dịch vụ tiêu cực khác mà chúng ta không mong muốn. Sự vận động trái chiều trong nền kinh tế thị trường, tích cực, tiêu cực một phần do hiệu lực của hệ thống chính sách, pháp luật và tính thiếu đồng bộ trong hệ thống chính sách, luật pháp của ta.

### Thị trường đất đai- bất động sản

Nước ta xuất phát từ một nước nông nghiệp, trên 70% dân cư làm nghề nông. Trong tất cả các cuộc cách mạng Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến vấn đề đất đai. Đất đai gắn với người dân không chỉ đất ở, mà còn là tư liệu sản xuất đặc biệt quan trọng. Ruộng đất gắn với lao động để tạo ra sản phẩm nuôi sống con người. Từ chế độ tự cung tự cấp và phát triển thành sản xuất hàng hoá khi cả nước cùng xây dựng CNXH thì Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1992 đều xác định: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, trình độ lực lượng sản xuất ngày càng tiến bộ ở nước ta, đất đai luôn là một tài nguyên quốc gia quý giá, là tư liệu sản xuất khan hiếm.

Từ Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, năm 1988 Bộ Chính trị ra Nghị quyết 10 và đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp cùng với việc đổi mới cơ chế quản lý, Nhà nước ta đã ban hành các đạo luật liên quan đến đất đai.

Ngày 14/7/1993 Luật Đất đai.

Ngày 2/12/1998 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai được ban hành.

Ngày 29/6/2001 tiếp tục sửa đổi một số điều của Luật Đất đai và đến nay năm 2003, Luật Đất đai lại tiếp tục được sửa đổi cho phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Qua 10 năm, từ năm 1993 đến nay, Nhà nước ta đã ban hành hơn 200 văn bản pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai. Trong đó có 4 luật, 8 pháp lệnh, 1 nghị quyết của Quốc hội, 3 Nghị quyết của UBTƯ Quốc hội, 3 Nghị quyết của Chính phủ, 68 Nghị định, 23 Quyết định, 16 chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, 11 Thông tư của Tổng cục Địa chính, 25 Thông tư liên bộ, 23 Thông tư của các Bộ, ngành liên quan, 9 Quyết định của ngành. Ngoài ra còn nhiều luật, pháp lệnh khác có liên quan với nội dung quản lý đất đai. Các văn bản pháp luật và đất đai đã đáp ứng được nhiều vấn đề bức xúc của xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường.

Bên cạnh những mặt tích cực của Luật đất đai và các văn bản pháp luật đã ban hành, thực tế trong quá trình áp dụng luật pháp trong thực tế còn bộc lộ nhiều bất cập.

**Thứ nhất** là có quá nhiều văn bản, quy định liên quan đến đất đai và do nhiều cấp ban hành khác nhau từ trung ương đến địa phương làm cho việc quản lý đất đai gặp nhiều khó khăn.

- Người sử dụng đất không nắm chắc quyền và nghĩa vụ của mình, trong khi luật pháp quy định không rõ ràng, chặt chẽ đã xảy ra tình trạng

vi phạm, tranh chấp, khiếu kiện gây mất ổn định trị an trong xã hội, Nhà nước các cấp nhất là các cấp dưới quản lý đất đai không nghiêm, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế.

- Tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật liên quan đến quản lý đất đai không thống nhất từ trên xuống dưới. Trên quy định thông thoáng nhưng dưới thực hiện chặt chẽ hoặc ngược lại nên nhiều văn bản bị vô hiệu hóa hoặc có hiện tượng luồn lách và phát sinh tiêu cực.

**Thứ hai**, là sự chồng chéo, trùng lắp trong các văn bản pháp luật làm cho việc triển khai thi hành pháp luật khó khăn, lúng túng.

Ví dụ, việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quy định cho nhiều cơ quan nên thường chồng chép hoặc hình thức chưa có sự phân cấp rõ ràng. Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất ở cấp tỉnh còn có điều kiện, còn ở cấp huyện, quận, xã thì lực lượng chuyên môn rất yếu, trong khi việc sử dụng đất ở cơ sở phường, xã lại xảy ra thường xuyên, cần có quy hoạch ổn định nhất là quy hoạch cụm dân cư, cơ sở hạ tầng.

Vấn đề cho thuê đất quy hoạch đối tượng được thuê, loại đất được thuê cũng chưa thống nhất và cụ thể.

Việc phân loại đất để quản lý cũng chưa rõ mục đích sử dụng, ví dụ Điều 11 Luật đất đai phân thành 6 loại đất: đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất khu dân cư nông thôn, đất đô thị, đất chuyên dùng và đất chưa sử dụng cũng chưa thật hợp lý.

Việc quy định mức đất ở, thời gian sử dụng đất, quyền của người sử dụng đất, trả tiền sử dụng đất, thủ tục thu tiền đất và giao đất chưa đồng bộ và chưa thật hợp lý, thủ tục còn qua nhiều cấp, gây phiền hà cho người sử dụng.

**Thứ ba**, luật pháp và đất đai đã quy định quyền sở hữu hạn chế cho người sử dụng đất. Đó là quyền chuyển đổi, chuyển nhượng cho thuê,

cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất. Đây là cơ sở pháp lý, tạo điều kiện hình thành phát triển thị trường đất đai, bất động sản.

Trong thời gian qua, thị trường đất đai gắn với tài sản trên đất đã làm sai lệch giá trị của đất và cản trở việc giải phóng mặt bằng xây dựng các dự án phát triển kinh tế xã hội. Việc đền bù cây con, tài sản trên mặt đất, có lúc, có nơi là không đáng kể nhưng phải trả tiền lớn hơn giá trị tài sản trên mặt đất thực chất hiểu ngầm là để trả tiền đất giải phóng mặt bằng. Do không phân biệt được lịch sử các loại đất, trong quá trình đền bù, giải tỏa đã đánh đồng đất có nguồn gốc lịch sử với đất lấn chiếm.

Do việc quản lý đất đai lỏng lẻo, các văn bản pháp luật sơ hở, thiếu đồng bộ, thị trường ngầm về đất đai đã hình thành và có lúc có nơi sôi động. Đặc biệt các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đã diễn ra các cơn sốt giá đất khá phức tạp.

Các đợt sốt giá đất ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh năm 2001-2003 đặt ra những vấn đề cần nghiên cứu về lý luận và thực tiễn.

Rõ ràng đất là có giá và đã có trao đổi trên thị trường đặc biệt là đất ở đô thị, đất gần các tuyến giao thông, đất gần các khu công nghiệp, siêu thị, các công trình công cộng.

Đất nông, lâm nghiệp, chưa sử dụng cũng có giá do nhu cầu sản xuất cần thiết phải tập trung đất xây dựng công trình, sản xuất với quy mô lớn của nền sản xuất hàng hoá■.

1. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2001, tr 100).